

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

(Điều chỉnh năm 2019)

### 1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo:
  - + Tiếng Việt: Lịch sử thế giới
  - + Tiếng Anh: World History
- Mã ngành đào tạo: **7229010**
- Trình độ đào tạo: đại học
- Loại hình đào tạo: chính quy tập trung
- Thời gian đào tạo: 3-5 năm
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:
  - + Tiếng Việt: Cử nhân Lịch sử thế giới
  - + Tiếng Anh: Bachelor of Arts of World History
- Nơi đào tạo: Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

### 2. Mục tiêu đào tạo

#### a. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành Lịch sử nắm vững kiến thức cơ bản về khoa học xã hội và nhân văn, lấy ứng dụng khoa học lịch sử làm nền tảng cho các định hướng nghiên cứu chuyên ngành; có năng lực tư duy độc lập và sáng tạo; có phẩm chất chính trị vững vàng, lối sống lành mạnh, không ngừng học tập và cầu tiến; có kỹ năng thực hành chuyên môn nghề nghiệp, kỹ năng cá nhân và kỹ năng xã hội; có đạo đức nghề nghiệp, tác phong làm việc khoa học, kỷ luật và ý thức phục vụ cộng đồng. Cử nhân Lịch sử chuyên ngành **Lịch sử thế giới** được bổ sung về kiến thức, năng lực tư duy, kỹ năng và năng lực thực hành chuyên môn về lịch sử thế giới, đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, ứng dụng chuyên môn phục vụ cho nhu cầu phát triển và hội nhập thế giới ngày một sâu rộng của Việt Nam.

#### b. Mục tiêu cụ thể

Sinh viên tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng và năng lực:

##### 1. Kiến thức và lập luận ngành

##### 1.1 Kiến thức giáo dục đại cương

1.1.1. Hiểu được hệ thống tri thức khoa học cơ bản về lý luận chính trị, bao gồm những nguyên lý của Chủ nghĩa Marx – Lenine, Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, làm cơ sở cho phương pháp luận sử học - nền tảng cho phương pháp, tư duy, khả năng sáng tạo, khai phóng của người học.

1.1.2. Hiểu và có thể vận dụng căn bản kiến thức khoa học xã hội và nhân văn, nghệ thuật nhằm tạo nền tảng kiến thức rộng, năng lực, kỹ năng đa lĩnh vực phục vụ nghiên cứu xuyên ngành, liên ngành, đa ngành.

1.1.3. Hiểu và có thể vận dụng ở mức cơ bản kiến thức về khoa học tự nhiên, công nghệ thông tin, môi trường, kinh tế, chính trị... nhằm hỗ trợ nghiên cứu định lượng trong khoa học lịch sử.

1.1.4. Hiểu và có thể vận dụng cơ bản kiến thức đa văn hóa phục vụ nghiên cứu, hội nhập khu vực và quốc tế.

## 1.2. Kiến thức cơ sở ngành

1.2.1. Nắm vững và hệ thống hóa được tiến trình, nội dung, mối quan hệ trong lịch sử thế giới và lịch sử Việt Nam, khái quát được các quy luật của lịch sử, rút ra những bài học có giá trị phổ quát phục vụ lợi ích của dân tộc, giải quyết những yêu cầu đặt ra của lịch sử Việt Nam đương đại.

1.2.2. Nắm vững cơ sở phương pháp luận marxist và phương pháp nghiên cứu, lịch sử phát triển của khoa học lịch sử, làm nền tảng cho nghiên cứu cơ bản và các chuyên ngành của khoa học lịch sử

1.2.3. Nắm vững và vận dụng tốt các kiến thức liên ngành, xuyên ngành, đa ngành nhằm tiếp cận nhiều chiều các đối tượng của khoa học lịch sử, khung lý thuyết và phương pháp tiếp cận, khai thác thông tin lịch sử, các khuynh hướng sử học thế giới và Việt Nam

## 1.3. Kiến thức chuyên ngành và kiến thức bổ trợ chuyên ngành

### 1.3.1. Kiến thức chuyên ngành

- Vận dụng, phân tích và tổng hợp được kiến thức chuyên sâu, căn bản, có hệ thống về lịch sử các nước, khu vực trên thế giới, chú trọng tính đương đại và khu vực có liên quan đến lịch sử và lợi ích của Việt Nam.

- Nhận diện và phân tích vấn đề trong thực tiễn tiếp cận phương pháp luận, khung lý thuyết chuyên sâu để thực hành nghiên cứu lịch sử ở các phương diện, quá trình cụ thể của lịch sử thế giới

- Chủ động thu thập, phân tích và tổng hợp kiến thức thực tế theo yêu cầu đặt ra của chuyên ngành

### 1.3.2. Kiến thức bổ trợ chuyên ngành:

- Vận dụng được nhiều cách tiếp cận kiến thức lịch sử xã hội để mở rộng và chuyên sâu hơn tri thức lịch sử thế giới.

- Chủ động liên kết tri thức lịch sử thế giới và khu vực với lịch sử Việt Nam

## 2. Kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp

### 2.1. Kỹ năng

2.1.1. Kỹ năng lập luận nghề nghiệp: Nắm vững quy trình nghiên cứu những vấn đề lịch sử (sưu tầm, xử lý tư liệu, đánh giá, chọn lọc sự kiện, biên soạn lịch sử); Xác lập được quy trình hợp lý để giải quyết vấn đề

### 2.1.2. Năng lực tư duy và giải quyết vấn đề:

- Hình thành, phát triển năng lực tư duy độc lập, tư duy phân tích và tổng hợp, hệ thống hóa vấn đề.
- Xây dựng kỹ năng làm việc độc lập, sáng tạo, khả năng thuyết trình và phản biện những vấn đề lịch sử, văn hóa, xã hội.
- Có kỹ năng tự học, quản lý thời gian và tự chủ bản thân.
- Kỹ năng chuyên đổi và thích ứng với hoàn cảnh

### 2.1.3. Khả năng nghiên cứu và khám phá tri thức:

Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, lý giải những vấn đề khoa học và thực tiễn; Sử dụng được ngoại ngữ, công nghệ thông tin trong tìm kiếm và giải mã tri thức lịch sử, văn hóa, xã hội.

### 2.1.4. Có khả năng vận dụng kiến thức lịch sử Việt Nam vào việc giải quyết những vấn đề thực tiễn.

## 2.2. Phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp

### 2.2.1. Phẩm chất đạo đức cá nhân:

- Có tinh thần tự hào dân tộc, ý thức trách nhiệm công dân;
- Ứng xử trung thực, dũng cảm vì lương tri, lẽ phải và sự công bằng.
- Có năng lực tự học và học tập suốt đời. Cầu thị, khát khao khám phá và học hỏi từ thực tế cuộc sống.

### 2.2.2. Phẩm chất nghề nghiệp:

- Có ý thức tổ chức kỉ luật, tự giác và tận tụy trong công việc.
- Trung thực trong nghiên cứu và trong khai thác, trích dẫn các kết quả nghiên cứu.
- Xây dựng tác phong làm việc khoa học, ý thức được trách nhiệm và thể hiện trách nhiệm trong công việc.

### 2.2.3. Phẩm chất đạo đức xã hội:

- Có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội. Phục vụ xã hội vì mục tiêu nhân văn và tiến bộ xã hội.
- Hình thành ý thức học tập để chung sống và ứng xử phù hợp với những nền văn hóa khác nhau.
- Bảo vệ lợi ích của Tổ quốc.

## 3. Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp

### 3.1. Kỹ năng làm việc nhóm

#### 3.1.1. Kỹ năng tổ chức nhóm và hoạt động nhóm hiệu quả

- Xác định kế hoạch làm việc của nhóm.
- Phân công nhiệm vụ, xác định rõ vai trò của thành viên nhóm/kỹ năng đóng vai
- Triển khai kế hoạch làm việc, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện.

#### 3.1.2. Khả năng lãnh đạo, quản lý

- Tự đánh giá trong nhóm

- Đánh giá chéo, nhận xét công tâm và phê bình đúng mực trong nhóm
- Quản trị quá trình làm việc nhóm, luân phiên thay đổi vai trò trong nhóm, thay đổi nhóm để thích ứng với hoàn cảnh

### 3.2. Kỹ năng giao tiếp

#### 3.2.1. Giao tiếp trực diện và qua các phương tiện kỹ thuật công nghệ

- Kỹ năng trình bày vấn đề
- Kỹ năng sử dụng ngôn ngữ nói và ngôn ngữ cơ thể đúng mực.
- Lắng nghe, chấp nhận sự khác biệt trong quan điểm
- Kỹ năng giao tiếp bằng ngoại ngữ.
- Tác phong, thái độ lịch sự.

#### 3.2.2. Giao tiếp qua văn bản

- Kỹ năng trình bày văn bản, viết, trích dẫn có cơ sở khoa học, mạch lạc.
- Viết đúng chính tả, ngữ pháp
- Sử dụng thuật ngữ khoa học, chuẩn xác
- Văn phong trong sáng, không sử dụng ngôn từ phản cảm

## 4. Năng lực thực hành nghề nghiệp

### 4.1. Năng lực thực hành nghề nghiệp trong môi trường nghiên cứu

- Có nền tảng kiến thức vững chắc, hệ thống, chuyên sâu, kỹ năng, thái độ phù hợp.
- Sử dụng tốt các phương pháp, công nghệ cơ bản, hiện đại để tiến hành các công việc chuyên môn về nghiên cứu.
- Thành thạo thao tác/chu trình nghiên cứu lịch sử: đặt vấn đề khoa học, lựa chọn khung lý thuyết để giải quyết nhiệm vụ khoa học, thu thập/xử lý sử liệu, trình bày/kiến giải vấn đề khoa học, công bố.

### 4.2. Năng lực thực hành nghề nghiệp trong môi trường giảng dạy

- Kiến thức căn bản, có hệ thống, chuyên sâu và khả năng truyền giảng tri thức lịch sử. Thành thạo thao tác, chu trình truyền giảng: xác định vấn đề/chuyên đề/sự kiện lịch sử; vận dụng kiến thức/kỹ năng/công cụ hỗ trợ để trình bày/phân tích; thực hiện việc đánh giá, kiểm định kết quả giảng dạy.

### 4.3 Năng lực thực hành nghề nghiệp trong môi trường cơ quan nhà nước và các doanh nghiệp

- Hiểu biết đầy đủ về môi trường/tính chất/các luật định của cơ quan và doanh nghiệp.
- Vận dụng kiến thức lịch sử và các kỹ năng cần thiết thích ứng với nhiều loại hình công việc khác nhau trong môi trường đa dạng.

## 3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Stt	Chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực
1.	Kiến thức và lập luận ngành	

1.1	<i>Kiến thức giáo dục đại cương</i>	
1.1.1	Hiểu được hệ thống tri thức khoa học cơ bản về lý luận chính trị, bao gồm những nguyên lý của Chủ nghĩa Marx – Lenine, Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, làm cơ sở cho phương pháp luận sử học - nền tảng cho phương pháp, tư duy, khả năng sáng tạo, khai phóng của người học	2.0-3.0
1.1.2	Hiểu và có thể vận dụng căn bản kiến thức khoa học xã hội và nhân văn, nghệ thuật nhằm tạo nền tảng kiến thức rộng, năng lực, kỹ năng đa lĩnh vực phục vụ nghiên cứu xuyên ngành, liên ngành, đa ngành.	2.0-3.0
1.1.3	Hiểu và có thể vận dụng ở mức cơ bản kiến thức về khoa học tự nhiên, công nghệ thông tin, môi trường, kinh tế, chính trị... nhằm hỗ trợ nghiên cứu định lượng trong khoa học lịch sử.	2.0-3.0
1.1.4	Hiểu và có thể vận dụng cơ bản kiến thức đa văn hóa phục vụ nghiên cứu, hội nhập khu vực và quốc tế.	2.0-3.0
1.2	<i>Kiến thức cơ sở ngành</i>	
1.2.1	Nắm vững và hệ thống hóa được tiến trình, nội dung, mối quan hệ trong lịch sử thế giới và lịch sử Việt Nam, khái quát được các quy luật của lịch sử, rút ra những bài học có giá trị phổ quát phục vụ lợi ích của dân tộc, giải quyết những yêu cầu đặt ra của lịch sử Việt Nam đương đại.	3.0 – 4.0
1.2.2	Nắm vững cơ sở phương pháp luận marxist và phương pháp nghiên cứu, lịch sử phát triển của khoa học lịch sử, làm nền tảng cho nghiên cứu cơ bản và các chuyên ngành của khoa học lịch sử	3.0 – 4.0
1.2.3	Nắm vững và vận dụng tốt các kiến thức liên ngành, xuyên ngành, đa ngành nhằm tiếp cận nhiều chiều các đối tượng của khoa học lịch sử, khung lý thuyết và phương pháp tiếp cận, khai thác thông tin lịch sử, các khuynh hướng sử học thế giới và Việt Nam	3.0 – 4.0
1.3	<i>Kiến thức chuyên ngành và kiến thức bổ trợ chuyên ngành</i>	
1.3.1	Kiến thức chuyên ngành - Vận dụng, phân tích và tổng hợp được kiến thức chuyên sâu, căn bản, có hệ thống về lịch sử các nước, khu vực trên thế giới, chú trọng tính đương đại và khu vực có liên quan đến lịch sử và lợi ích của Việt Nam. - Nhận diện và phân tích vấn đề trong thực tiễn tiếp cận phương pháp luận, khung lý thuyết chuyên sâu để thực hành nghiên cứu lịch sử ở các phương diện, quá trình cụ thể của lịch sử thế giới - Chủ động thu thập, phân tích và tổng hợp kiến thức thực tế theo yêu cầu đặt ra của chuyên ngành	3.5-4.0
1.3.2	Kiến thức bổ trợ chuyên ngành: -Vận dụng được nhiều cách tiếp cận kiến thức lịch sử xã hội để mở rộng và chuyên sâu hơn tri thức lịch sử thế giới. - Chủ động liên kết tri thức lịch sử thế giới và khu vực với lịch sử Việt Nam	4.0-4.5
2.	<i>Kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp</i>	
2.1	<i>Kỹ năng</i>	
2.1.1	Kỹ năng lập luận nghề nghiệp: Nắm vững quy trình nghiên cứu những vấn đề lịch sử (sưu tầm, xử lý tư liệu, đánh giá, chọn lọc sự kiện, biên soạn lịch sử); Xác lập được quy trình hợp lý để giải quyết vấn đề	3.0 – 3.5
2.1.2	Năng lực tư duy và giải quyết vấn đề:	4.0-4.5

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình thành, phát triển năng lực tư duy độc lập, tư duy phân tích và tổng hợp, hệ thống hóa vấn đề.</li> <li>- Xây dựng kỹ năng làm việc độc lập, sáng tạo, khả năng thuyết trình và phân biện những vấn đề lịch sử, văn hóa, xã hội.</li> <li>- Có kỹ năng tự học, quản lý thời gian và tự chủ bản thân.</li> <li>- Kỹ năng chuyển đổi và thích ứng với hoàn cảnh</li> </ul>	
2.1.3	<p>Khả năng nghiên cứu và khám phá tri thức:</p> <p>Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, lý giải những vấn đề khoa học và thực tiễn; Sử dụng được ngoại ngữ, công nghệ thông tin trong tìm kiếm và giải mã tri thức lịch sử, văn hóa, xã hội.</p>	4.0-4.5
2.1.4	Có khả năng vận dụng kiến thức lịch sử Việt Nam vào việc giải quyết những vấn đề thực tiễn.	4.5-5.0
2.2	<i>Phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp</i>	
2.2.1	<p>Phẩm chất đạo đức cá nhân:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có tinh thần tự hào dân tộc, ý thức trách nhiệm công dân;</li> <li>- Ứng xử trung thực, dũng cảm vì lương tri, lẽ phải và sự công bằng.</li> <li>- Có năng lực tự học và học tập suốt đời. Cầu thị, khát khao khám phá và học hỏi từ thực tế cuộc sống.</li> </ul>	4.5-5.0
2.2.2	<p>Phẩm chất nghề nghiệp:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có ý thức tổ chức kỉ luật, tự giác và tận tụy trong công việc.</li> <li>- Trung thực trong nghiên cứu và trong khai thác, trích dẫn các kết quả nghiên cứu.</li> <li>- Xây dựng tác phong làm việc khoa học, ý thức được trách nhiệm và thể hiện trách nhiệm trong công việc.</li> </ul>	4.5-5.0
2.2.3	<p>Phẩm chất đạo đức xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội. Phục vụ xã hội vì mục tiêu nhân văn và tiến bộ xã hội.</li> <li>- Hình thành ý thức học tập để chung sống và ứng xử phù hợp với những nền văn hóa khác nhau.</li> <li>- Bảo vệ lợi ích của Tổ quốc.</li> </ul>	4.5-5.0
3	Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp	
3.1	Kỹ năng làm việc nhóm	
3.1.1	<p>Kỹ năng tổ chức nhóm và hoạt động nhóm hiệu quả</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định kế hoạch làm việc của nhóm.</li> <li>- Phân công nhiệm vụ, xác định rõ vai trò của thành viên nhóm/kỹ năng đóng vai</li> <li>- Triển khai kế hoạch làm việc, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện.</li> </ul>	4.5-5.0
3.1.2	<p>Khả năng lãnh đạo, quản lý</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tự đánh giá trong nhóm</li> <li>- Đánh giá chéo, nhận xét công tâm và phê bình đúng mực trong nhóm</li> <li>- Quản trị quá trình làm việc nhóm, luân phiên thay đổi vai trò trong nhóm, thay đổi nhóm để thích ứng với hoàn cảnh</li> </ul>	4.5-5.0
3.2	Kỹ năng giao tiếp	
3.2.1	<p>Giao tiếp trực diện và qua các phương tiện kĩ thuật công nghệ</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kỹ năng trình bày vấn đề</li> </ul>	4.5-5.0

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kỹ năng sử dụng ngôn ngữ nói và ngôn ngữ cơ thể đúng mực.</li> <li>- Lắng nghe, chấp nhận sự khác biệt trong quan điểm</li> <li>- Kỹ năng giao tiếp bằng ngoại ngữ.</li> <li>- Tác phong, thái độ lịch sự.</li> </ul>	
3.2.2	<p>Giao tiếp qua văn bản</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kỹ năng trình bày văn bản, viết, trích dẫn có cơ sở khoa học, mạch lạc.</li> <li>- Viết đúng chính tả, ngữ pháp</li> <li>- Sử dụng thuật ngữ khoa học, chuẩn xác</li> <li>- Văn phong trong sáng, không sử dụng ngôn từ phản cảm</li> </ul>	4.5-5.0
4.	Năng lực thực hành nghề nghiệp	
4.1	<p>Năng lực thực hành nghề nghiệp trong môi trường nghiên cứu</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có nền tảng kiến thức vững chắc, hệ thống, chuyên sâu, kỹ năng, thái độ phù hợp.</li> <li>- Sử dụng tốt các phương pháp, công nghệ cơ bản, hiện đại để tiến hành các công việc chuyên môn về nghiên cứu.</li> <li>- Vận dụng thành thạo các thao tác nghiên cứu lịch sử. Chu trình: đặt vấn đề khoa học - lựa chọn khung lý thuyết để giải quyết nhiệm vụ khoa học - thu thập/xử lý sử liệu - trình bày/kiến giải vấn đề khoa học, công bố.</li> </ul>	4.5-5.0
4.2	<p>Năng lực thực hành nghề nghiệp trong môi trường giảng dạy</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức căn bản, có hệ thống, chuyên sâu</li> <li>- Khả năng truyền giảng tri thức lịch sử. Chu trình: xác định vấn đề/chuyên đề/sự kiện lịch sử; vận dụng kiến thức/kỹ năng/công cụ hỗ trợ để trình bày/phân tích; thực hiện việc đánh giá, kiểm định kết quả giảng dạy.</li> </ul>	4.5-5.0
4.3	<p>Năng lực thực hành nghề nghiệp trong môi trường cơ quan nhà nước và các doanh nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu biết đầy đủ về môi trường/tính chất/các luật định của cơ quan và doanh nghiệp.</li> <li>- Vận dụng kiến thức lịch sử và các kỹ năng cần thiết thích ứng với nhiều loại hình công việc khác nhau trong môi trường đa dạng.</li> </ul>	4.5-5.0

#### Thang trình độ năng lực

Trình độ năng lực	Mô tả
0.0 -> 2.0	Có biết qua/có nghe qua
2.0 -> 3.0	Có hiểu biết/có thể tham gia
3.0 ->3.5	Có khả năng ứng dụng
3.5 ->4.0	Có khả năng phân tích
4.0 ->4.5	Có khả năng tổng hợp
4.5 -> 5.0	Có khả năng đánh giá

## 4. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

### a. Quy trình đào tạo

- Chương trình đào tạo chuyên ngành Lịch sử thế giới được cấu trúc thành hệ

thông kiến thức hoàn chỉnh theo quy định khung chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, gồm *kiến thức giáo dục đại cương* và *kiến thức chuyên ngành* (kiến thức cơ sở khối ngành Khoa học Xã hội và Nhân văn, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành và chuyên ngành, thực tập - thực tế). Tổng khối lượng kiến thức tối thiểu trong chương trình đào tạo là 120 tín chỉ. Chương trình đào tạo có tính liên thông giữa các trường đại học có đào tạo chuyên ngành Lịch sử thế giới trong nước và có tính liên kết với các chuyên ngành gần thuộc khoa học Lịch sử.

- Đầu năm học, Bộ môn họp phân công giảng dạy cho cán bộ theo khả năng đảm nhiệm của giảng viên và theo quy chế cán bộ của Nhà trường.

- Giáo vụ khoa xây dựng kế hoạch đào tạo năm học theo chương trình, báo cho Bộ môn và từng giảng viên kế hoạch giảng dạy của từng học kỳ.

- Sinh viên thực hiện Quy chế đào tạo phải đăng ký học phần và hoàn thành các môn học của từng khối kiến thức liên tục, đảm bảo tính thống nhất, liên thông giữa các khối kiến thức của chương trình đào tạo.

### ***b. Điều kiện tốt nghiệp***

- Sinh viên tích lũy tối thiểu 120 tín chỉ theo cơ cấu của các khối kiến thức giáo dục Đại cương và giáo dục Chuyên nghiệp theo nội dung chương trình đào tạo.

- Có chứng chỉ Ngoại ngữ không chuyên, Tin học, Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng theo quy định của nhà trường.

- Sinh viên phải nghiêm túc chấp hành các quy định của pháp luật và Quy chế đào tạo của Nhà trường, hoàn thành các nghĩa vụ trong quá trình học tập.

## **5. Thang điểm** (theo thang điểm chính thức của trường).

- Điểm tối đa cho mỗi học phần là điểm 10; trong đó có thể có điểm lẻ 0,5.

- Điểm đạt của học phần là điểm 5 trở lên (dưới 5 phải học lại và thi lại).

- Điểm của mỗi môn học gồm có điểm thi giữa kỳ, điểm quá trình (tỷ trọng bằng 30%) và điểm thi hết môn (tỷ trọng bằng 70%).

## **6. Khối lượng kiến thức toàn khoá**

Tổng số tín chỉ: 120 tín chỉ, trong đó phân bổ kiến thức như sau (không bao gồm tín chỉ Ngoại ngữ không chuyên, Tin học, Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng):

TT	Các khối kiến thức	Khối lượng	
		Số tín chỉ	Tỷ lệ %
I	Khối kiến thức giáo dục đại cương	28	23,3
II	Khối kiến thức cơ sở ngành	37	30,8
III	Kiến thức chuyên ngành	24	20,0
IV	Kiến thức bổ trợ chuyên ngành	25	20,8
V	Thực tập, thực tế	06	5,0
	<b>Tổng cộng</b>	<b>120</b>	<b>100</b>



## 7. Nội dung chương trình đào tạo

Stt	Mã MH	Tên môn học (MH)		Loại MH (bắt buộc/tự chọn)	Tín chỉ			Phòng TN (**)
		Tiếng việt	Tiếng Anh		Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	
<b>I</b>	<b>Kiến thức giáo dục đại cương: 28 TC</b>							
	<b>Lý luận chính trị</b>							
01	DAI001 DAI002	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin	<i>Basic principles of Marxism and Leninism.</i>	BB	05	05		
02	DAI003	Lịch sử Đảng CSVN	<i>History of the Vietnamese Communist Party.</i>	BB	03	03		
03	DAI004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	<i>Ho Chi Minh's ideology.</i>	BB	02	02		
	<b>Khoa học xã hội - Nhân văn</b>							
04	DAI025	Pháp luật đại cương	<i>General laws.</i>	BB	02	02		
05	DAI012	Cơ sở văn hoá Việt Nam	<i>Basic Vietnamese culture / Introduction to Vietnamese culture.</i>	BB	02	02		
06	DAI022	Xã hội học đại cương	<i>General sociology.</i>	BB	02	02		
07	DAI036	Phương pháp nghiên cứu khoa học	<i>Methodology of scientific research.</i>	BB	02	02		
08	DAI015	Thực hành văn bản tiếng Việt	<i>A practical analyse of Vietnamese text.</i>	BB	02	02		
09	DAI023	Nhân học đại cương	<i>General anthropology.</i>	TC	02	02		
10	DAI022	Tâm lý học đại cương	<i>General psychology.</i>	TC	02	02		
	<b>Khoa học tự nhiên - Công nghệ - Môi trường - Kinh tế - Chính trị</b>							
11	DAI006	Môi trường và phát triển	<i>Environment and human beings.</i>	BB	02	02		
12	DAI005	Thống kê trong khoa học xã hội	<i>Statistics for social sciences.</i>	TC	02	02		
13	DAI021	Logic học đại cương	<i>General logics.</i>	TC	02	02		
14	DAI029	Kinh tế học đại cương	<i>General economics.</i>	TC	02	02		
15	DAI027	Chính trị học đại cương	<i>General politics.</i>	TC	02	02		
16		Tin học đại cương	<i>Basic informatics.</i>		03		03	CC

<b>Ngôn ngữ - kỹ năng khác</b>							
17	DAI018	Hán văn cơ bản	<i>Basic Chinese classical prose.</i>	TC	03	03	
18	DAI019	Chữ Nôm	<i>Nom script.</i>	TC	02	02	
19	DAI046	Kỹ năng mềm	<i>Soft skills.</i>	TC	03	03	
20	DAI043	Nghịệp vụ ngoại giao	<i>Diplomatic protocol and etiquette.</i>	TC	03	03	
21		Ngoại ngữ không chuyên	<i>Non-English major.</i>		10		10 CC
22		Giáo dục thể chất	<i>Physical education.</i>		05		05 CC
23		Giáo dục quốc phòng	<i>National defense education</i>		06		06 CC
<b>II</b>	<b>Kiến thức cơ sở ngành: 37 TC</b>						
24	LSU114	Lịch sử Việt Nam cổ - trung đại	<i>History of the ancient and medieval Vietnam.</i>	BB	04	04	
25	LSU113	Lịch sử Việt Nam cận đại	<i>History of the early modern Vietnam.</i>	BB	04	04	
26	LSU115	Lịch sử Việt Nam hiện đại	<i>History of the modern Vietnam.</i>	BB	04	04	
27	LSU107	Lịch sử thế giới cổ - trung đại	<i>History of the ancient and medieval world.</i>	BB	04	04	
28	LSU207	Lịch sử thế giới cận đại	<i>History of the early modern world.</i>	BB	04	04	
29	LSU208	Lịch sử thế giới hiện đại	<i>History of the modern world.</i>	BB	04	04	
30	LSU215.1	Phương pháp luận sử học	<i>The methodology of historical research.</i>	BB	03	03	
31	LUU004	Cơ sở bảo tàng học	<i>Basic museology.</i>	BB	02	02	
32	LSU015	Cơ sở khảo cổ học	<i>Basic archaeology.</i>	BB	02	02	
33	LUU018	Lưu trữ học đại cương	<i>Archives sciences.</i>	BB	02	02	
34	LUU158	Sử liệu học	<i>Historical documents studies.</i>	BB	02	02	
35	LSU201	Nhập môn quan hệ quốc tế	<i>The introduction of international relations.</i>	BB	02	02	
<b>III</b>	<b>Kiến thức chuyên ngành: 24 TC</b>						
36	LSU216	Lịch sử các hình thái kinh tế xã hội ở châu Á	<i>History of socio-economic forms in Asia.</i>	BB	02	02	

37	QTE084	Toàn cầu hóa	<i>Globalization.</i>	BB	02	02		
38	LSU005	Các hệ thống chính trị - xã hội thế giới hiện đại	<i>Political and social systems of the modern world.</i>	BB	02	02		
39	LSU137	Phong trào giải phóng dân tộc và một số vấn đề kinh tế - xã hội của các nước Á, Phi, Mỹ-Latinh ngày nay	<i>The national liberation movement and several socio-economic issues of Asian, African and American-Latin countries in the present.</i>	BB	03	03		
40	LSU136	Phong trào công nhân và cộng sản quốc tế cận - hiện đại	<i>Workers movement and international communist in the early modern – modern period.</i>	BB	03	03		
41	LSU098	Lịch sử quan hệ quốc tế hiện đại (từ 1917 đến nay)	<i>The history of international relations (from 1917 to present).</i>	BB	03	03		
42	LSU...	Lịch sử nghệ thuật thế giới	<i>Art history of the world.</i>	BB	02	02		
43	LSU204	Chủ nghĩa khủng bố quốc tế hiện đại - Những vấn đề cơ bản	<i>Modern international terrorism - The basics.</i>	BB	02	02		
44	LSU083	Lịch sử Đông Nam Á	<i>History of Southeast Asia.</i>	BB	03	03		
45	LSU154	Quan hệ Việt Nam - Lào - Campuchia	<i>Vietnam-Laos-Cambodia relations.</i>	BB	02	02		
<b>IV</b>	<b>Kiến thức bổ trợ chuyên ngành, liên ngành, khóa luận tốt nghiệp: 25 TC (chọn trong số các học phần sau)</b>							
46	QTE027	Nhập môn Khu vực học	<i>The introduction of area studies.</i>	TC	02	02		
47	VNH005	Các tôn giáo lớn trên thế giới ở Việt Nam	<i>Major religions of the world in Vietnam.</i>	TC	02	02		
48	LSU192	Xung đột tộc người - dân tộc và tôn giáo trên thế giới hiện nay	<i>The conflicts of ethnic-nation-religion in the world.</i>	TC	02	02		
49	LSU213	Những vấn đề chạy đua vũ trang và giải trừ quân bị trên thế giới (từ sau 1945)	<i>Issues of arms race and disarmament in the world (after 1945).</i>	TC	02	02		
50	LSU220	Chiến tranh bảo vệ biên giới và đấu tranh bảo vệ chủ quyền lãnh thổ ở Việt Nam từ 1975	<i>Warfares to protect the border and struggles to defend the sovereignty of the island from 1975 to present.</i>	TC	02	02		
51	LSU089	Lịch sử Liên hiệp châu Âu (EU)	<i>The history of the European Union.</i>	TC	02	02		

52	LSU109	Lịch sử Trung Quốc	<i>The history of China.</i>	TC	02	02		
53	LSU093	Lịch sử Nga	<i>The history of Russia.</i>	TC	02	02		
54	LSU091	Lịch sử Mỹ	<i>The history of the United States of America.</i>	TC	02	02		
55	LSU151	Quan hệ quốc tế ở Đông Nam Á (từ sau 1945)	<i>International relations in Southeast Asia (after 1945).</i>	TC	02	02		
56	LSU150	Quan hệ quốc tế ở Đông Bắc Á (từ sau 1945)	<i>International relations in Northeast Asia (after 1945).</i>	TC	02	02		
57	LSU152	Quan hệ quốc tế ở Trung Đông (từ sau 1945)	<i>International relations in Middle East (after 1945).</i>	TC	02	02		
58	LSU009	Chiến lược của các cường quốc ở châu Á-TBD	<i>The strategies of the powers in Asia-Pacific region.</i>	TC	02	02		
59	LSU068	Khảo cổ học Óc Eo và Phù Nam	<i>Archaeology of Oc Eo and Funan.</i>	TC	02	02		
60	LUU025	Những cuộc cải cách lớn trong lịch sử Việt Nam	<i>Major reforms in Vietnam history.</i>	TC	02	02		
61	LSU018	Công cuộc cải tổ- cải cách ở một số nước XHCN và công cuộc đổi mới ở Việt Nam	<i>The reforms in some Socialist nations and Doi Moi in Vietnam.</i>	TC	02	02		
62	LSU047	Đường lối đối ngoại của Đảng Cộng sản Việt Nam	<i>The foreign policy of the Communist Party of Vietnam.</i>	TC	02	02		
63	LSU094	Lịch sử ngoại giao Việt Nam	<i>History of Vietnam's diplomacy.</i>	TC	02	02		
64	LSU101	Lịch sử quan hệ Việt Nam - Trung Quốc	<i>The history of Vietnam-China relations.</i>	TC	02	02		
65	LSU001	Anh văn chuyên ngành	<i>English for history.</i>	TC	03	03		
66	QTE018	Công pháp quốc tế	<i>Public international law.</i>	TC	02	02		
67	LSU157	Lịch sử và nghiệp vụ báo chí	<i>History and journalist's work.</i>	TC	02	02		
68	LSU075	Khóa luận tốt nghiệp	<i>Bachelor's thesis in history.</i>	TC	10		10	
<b>V</b>	<b>Thực tập – Thực tế: 06 TC</b>							
69	<u>LSU165.1</u>	Thực tập chuyên ngành 1	<i>Professional practice 1.</i>	BB	02		02	

70	LSU165	Thực tập chuyên ngành 2	<i>Professional practice 2.</i>	BB	04		04	
<b>Tổng số (tín chỉ)</b>						120		

**8. Khả năng liên thông với các chương trình đào tạo khác:**

- Lịch sử Việt Nam
- Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
- Khảo cổ học

**9. Dự kiến kế hoạch giảng dạy (phân bổ các môn học theo từng học kỳ)**

Học kỳ	Mã MH	Tên MH		Loại MH (bắt buộc/tự chọn)	Tín chỉ			Phòng TN (**)	Ghi chú
		Tiếng việt	Tiếng Anh (*)		Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành/Thí nghiệm		
<b>I</b> (14 – 16 tín chỉ đại cương_ + 03 tín chỉ cơ sở ngành)	DAI001	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin (1)	<i>Basic principles of Marxism and Leninism (1)</i>	BB	02	02			
	DAI024	Pháp luật đại cương	<i>General laws.</i>	BB	02	02			
	DAI033	Phương pháp nghiên cứu khoa học	<i>Methodology of scientific research.</i>	BB	02	02			
	DAI012	Cơ sở văn hoá Việt Nam	<i>Basic Vietnamese culture / Introduction to Vietnamese culture.</i>	BB	02	02			
	DAI022	Xã hội học đại cương	<i>General sociology.</i>	BB	02	02			
	DAI006	Môi trường và phát triển	<i>Environment and human beings</i>	BB	02	02			
	LSU215.1	Phương pháp luận sử học	<i>The methodology of historical research.</i>	BB	03	03			
	DAI023	Tâm lý học đại cương	<i>General psychology.</i>	TC	02	02			

	DAI021	Logic học đại cương	<i>General logics.</i>	TC					<i>Chọn 1 trong 2 môn</i>
	DAI007	Giáo dục thể chất 1	<i>Physical education (1)</i>	BB	01		01		
	DAI008	Giáo dục thể chất 2	<i>Physical education (2)</i>	BB	01		01		
		Ngoại ngữ không chuyên (1)	<i>Non-English major (1)</i>	BB	02		02		<i>Tự TL</i>
		Tin học đại cương	<i>Basic informatics.</i>	BB	03		03		<i>Tự TL</i>
		Giáo dục Quốc phòng	<i>National defense education.</i>	BB	06		06		<i>Kế hoạch của Trường</i>
<b>II</b> (09-13 tín chỉ đại cương + 08 tín chỉ cơ sở ngành)	DAI002	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin (2)	<i>Basic principles of Marxism and Leninism (2)</i>	BB	03	03			
	DAI004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	<i>Ho Chi Minh's ideology</i>	BB	02	02			
	DAI015	Thực hành văn bản tiếng Việt	<i>A practical analyse of Vietnamese text</i>	BB	02	02			
	DAI024	Nhân học đại cương	<i>General economics.</i>	TC	02	02			<i>Chọn 1 -2 môn trong 3 môn</i>
	DAI029	Kinh tế học đại cương	<i>Statistics for social sciences.</i>	TC					
	DAI005	Thống kê cho khoa học xã hội	<i>General anthropology.</i>	TC					
	LSU107	Lịch sử thế giới - cổ trung đại	<i>History of the ancient and medieval world.</i>	BB	04	04			
	LSU114	Lịch sử Việt Nam cổ - trung đại	<i>History of the ancient and medieval Vietnam.</i>	BB	04	04			
	DAI009	Giáo dục thể chất 3	<i>Physical education (3)</i>	BB	01		01		
	DAI010	Giáo dục thể chất 4	<i>Physical education (4)</i>	BB	01		01		
		Ngoại ngữ không chuyên (2)	<i>Non-English major (2)</i>	BB	02		02		<i>Tự TL</i>
<b>III</b> (08 tín chỉ đại cương +	DAI003	Lịch sử Đảng CSVN	<i>History of the Vietnamese Communist Party.</i>	BB	03	03			
	LSU207	Lịch sử thế giới cận đại	<i>History of the early modern world.</i>	BB	04	04			

12 tín chỉ cơ sở ngành)	LSU113	Lịch sử Việt Nam cận đại	<i>History of the early modern Vietnam.</i>	BB	04	04			
	LSU015	Cơ sở khảo cổ học	<i>Basic archaeology</i>	BB	02	02			
	LSU158	Sử liệu học	<i>Historical documents studies.</i>	BB	02	02			
	DAI011	Giáo dục thể chất 5	<i>Physical education (5)</i>	BB	01		01		
	DAI027	Chính trị học đại cương	<i>General politics</i>	TC	02	02			Chọn 1 trong 2 môn
	DAI018	Hán văn cơ bản	<i>Basic Chinese classical prose</i>	TC	03	03			
		Ngoại ngữ không chuyên (3)	<i>Non-English major (2)</i>	BB	02		02		Tự TL
IV (03-08 tín chỉ đại cương + 14 tín chỉ cơ sở ngành)	LSU208	Lịch sử thế giới hiện đại	<i>History of the modern world</i>	BB	04	04			
	LSU115	Lịch sử Việt Nam hiện đại	<i>History of the modern Vietnam</i>	BB	04	04			
	LUU004	Cơ sở bảo tàng học	<i>Basic museology.</i>	BB	02	02			
	LUU018	Lưu trữ học đại cương	<i>Archives sciences.</i>	BB	02	02			
	LSU201	Nhập môn quan hệ quốc tế	<i>The introduction of international relations.</i>	BB	02	02			
	DAI019	Chữ Nôm	<i>Nom script.</i>	TC	03	03			Chọn 1 -2 môn trong 3 môn
	DAI046	Kỹ năng mềm	<i>Soft skills.</i>	TC	03	03			
	DAI043	Nghiệp vụ ngoại giao	<i>Diplomatic protocol and etiquette.</i>	TC	02	02			
	Ngoại ngữ không chuyên (4)	<i>Non-English major (4)</i>	BB	02		02		Tự TL	
V (15 tín chỉ chuyên ngành + 04 tín chỉ bổ trợ)	LSU216	Lịch sử các hình thái kinh tế xã hội ở châu Á	<i>History of socio-economic forms in Asia.</i>	BB	02	02			
	LSU005	Các hệ thống chính trị - xã hội thế giới hiện đại	<i>Political and social systems of the modern world.</i>	BB	02	02			
	LSU098	Lịch sử quan hệ quốc tế hiện đại (từ 1917 đến nay)	<i>The history of international relations (from 1917 to present).</i>	BB	03	03			
	LSU137	Phong trào giải phóng dân tộc và một số vấn đề kinh tế - xã hội	<i>The national liberation movement and several socio-economic issues of Asian,</i>	BB	03	03			

chuyên ngành)		của các nước Á, Phi, Mỹ-Latinh ngày nay	<i>African and American-Latin countries in the present.</i>						
	LSU136	Phong trào công nhân và cộng sản quốc tế cận - hiện đại	<i>Workers movement and international communist in the early modern – modern period.</i>	BB	03	03			
	LSU...	Lịch sử nghệ thuật thế giới	<i>Art history of the world.</i>	BB	02	02			
	QTE027	Nhập môn Khu vực học	<i>The introduction of area studies</i>	TC	02	02			
	LSU094	Lịch sử ngoại giao Việt Nam	<i>History of Vietnam's diplomacy</i>	TC	02	02			
		Ngoại ngữ không chuyên (5)	<i>Non-English major (5)</i>	BB	02		02		Tự TL
VI (09 tín chỉ chuyên ngành + 10 tín chỉ bổ trợ chuyên ngành)	QTE084	Toàn cầu hóa	<i>Globalization.</i>	BB	02	02			
	LSU204	Chủ nghĩa khủng bố quốc tế hiện đại - Những vấn đề cơ bản	<i>Modern international terrorism - The basics.</i>	BB	02	02			
	LSU083	Lịch sử Đông Nam Á	<i>History of Southeast Asia</i>	BB	03	03			
	LSU165.1	Thực tập chuyên ngành 1	<i>Professional practice 1</i>	BB	02		02		
	LSU089	Lịch sử Liên hiệp châu Âu (EU)	<i>The history of the European Union.</i>	TC	02	02			
	LSU109	Lịch sử Trung Quốc	<i>The history of China.</i>	TC	02	02			
	LSU091	Lịch sử Mỹ	<i>The history of the United States of America.</i>	TC	02	02			
	LSU150	Quan hệ quốc tế ở Đông Bắc Á (từ sau 1945)	<i>International relations in Northeast Asia (after 1945).</i>	TC	02	02			
	LSU009	Công pháp quốc tế	<i>Public international law.</i>	TC	02	02			
	LSU068	Chiến lược các cường quốc ở khu vực Châu Á – TBD	<i>The strategies of the powers in Asia-Pacific region.</i>	TC	02	02			



	LSU025	Khảo cổ học Óc Eo và Phù Nam	<i>Archaeology of Oc Eo and Funan.</i>	TC	02	02			
	LSU220	Chiến tranh bảo vệ biên giới và đấu tranh bảo vệ chủ quyền lãnh thổ ở Việt Nam từ 1975	<i>Warfares to protect the border and struggles to defend the sovereignty of the island from 1975 to present.</i>	TC	02	02			
	QTE018	Những cuộc cải cách lớn trong lịch sử Việt Nam	<i>Major reforms in Vietnam history.</i>	TC	02	02			
<b>VII</b> (06 tín chỉ chuyên ngành + 12 tín chỉ hỗ trợ chuyên ngành)	LSU165	Thực tập chuyên ngành 2	<i>Professional practice 2</i>	BB	04		04		
	LSU154	Quan hệ Việt Nam - Lào - Campuchia	<i>Vietnam-Laos-Cambodia relations.</i>	BB	02	02			
	LSU047	Đường lối đối ngoại của Đảng Cộng sản Việt Nam	<i>The foreign policy of the Communist Party of Vietnam.</i>	TC	02	02			
	LSU151	Quan hệ quốc tế ở Đông Nam Á (từ sau 1945)	<i>International relations in Southeast Asia (after 1945).</i>	TC	02	02			
	VNH005	Các tôn giáo lớn trên thế giới ở Việt Nam	<i>Major religions of the world in Vietnam.</i>	TC	02	02			
	LSU093	Lịch sử Nga	<i>The history of Russia.</i>	TC	02	02			
	LSU152	Quan hệ quốc tế ở Trung Đông (từ sau 1945)	<i>International relations in Middle East (after 1945).</i>	TC	02	02			
	LSU157	Lịch sử và nghiệp vụ báo chí	<i>History and journalist's work.</i>	TC	02	02			
	LSU001	Anh văn chuyên ngành	<i>English for history.</i>	TC	04	04			
<b>VIII</b> (08 - 10 tín chỉ hỗ trợ chuyên ngành)	LSU075	Khóa luận tốt nghiệp	<i>Bachelor's thesis in history.</i>	TC	10		10		
	LSU192	Công cuộc cải tổ- cải cách ở một số nước XHCN và công cuộc đổi mới ở Việt Nam	<i>The reforms in some Socialist nations and Doi Moi in Vietnam</i>	TC	02	02			
	LSU213	Lịch sử quan hệ Việt Nam - Trung Quốc	<i>The history of Vietnam-China relations.</i>	TC	02	02			
	LSU018	Xung đột tộc người - dân tộc và tôn giáo trên thế giới hiện nay	<i>The conflicts of ethnic-nation-religion in the world.</i>	TC	02	02			

	LSU199	Những vấn đề chạy đua vũ trang và giải trừ quân bị trên thế giới (từ sau 1945)	<i>Issues of arms race and disarmament in the world (after 1945).</i>	TC	02	02			
	<b>Tổng</b>				120				

**TRƯỜNG KHOA**  
**TS. Lưu Văn Quyết**